

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2022/HC-ST

Ngày: 28-9-2022

V/v Khiếu kiện yêu cầu hủy

*Giấy chứng nhận quyền sử
dụng đất*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Bình

Các Hội thẩm: Ông Trần Anh Tuấn

Ông Nguyễn Văn Nghiệp

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hà Chi, là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
ông Đỗ Văn Phương; Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 9 năm 2022; tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 44/2022/TLST-HC ngày 30 tháng 6 năm 2022; về việc “*Khiếu kiện yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”; Vụ án được xét xử công khai theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2022/QĐXXST-HC ngày 12-9-2022 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: ông Phan Ngọc H1, sinh năm 1959 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1961; cư trú: Thôn P 2, xã G, huyện D, tỉnh Lâm Đồng; địa chỉ liên hệ: 11A Đường L, Phường 4, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lưu Thanh S, sinh năm 1999; địa chỉ: 11A Đường L, Phường 4, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

Người bị kiện: UBND huyện D; địa chỉ: 41 đường H, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo pháp luật: ông Trần Đức C, chức vụ: Chủ tịch. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Thế H2, chức vụ: Phó Chủ tịch. Vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: ông Nguyễn Viết H3, chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên và môi trường huyện D. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phan Thị Bích H4, sinh năm 1978; địa chỉ: 117/10 đường L2, hẻm 117, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai của người khởi kiện ông Phan Ngọc H1, bà Nguyễn Thị M trình bày: Phần diện tích 2.197 m² đất thuộc thửa 54; phần diện tích 1.100 m² đất thuộc thửa 55 và phần diện tích 3.966 m² thuộc thửa 56, cùng tờ bản đồ số 35a tọa lạc tại xã G huyện D, tỉnh Lâm Đồng có nguồn gốc là của hộ bà Nguyễn Thị B đã được UBND huyện D, tỉnh Lâm Đồng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 326458 vào ngày 05-09-1997 theo Quyết định số 1154/QĐ-UB ngày 10-12-1997 của UBND huyện D.*

Vào ngày 21-04-2008, vợ ông bà được mẹ là bà Nguyễn Thị B tặng cho các phần diện tích đất nêu trên theo Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được UBND xã G, huyện D chứng thực số 57, quyền số 01/2008/TP/CC-SCC/HĐGD. Sau đó, chúng tôi đã làm thủ tục tách thửa, cấp đổi giấy chứng nhận và được UBND huyện D cấp mới các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 04-6-2008 như sau:

- Phần diện tích 2.197 m² đất thuộc thửa 54, tờ bản đồ số 35a được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 863219;
- Phần diện tích 1.100 m² đất thuộc thửa 55, tờ bản đồ số 35a được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 863218;
- Phần diện tích 3.966 m² đất thuộc thửa 56, tờ bản đồ số 35a được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 863217.

Sau khi được cấp các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên, vợ chồng ông bà vẫn đang quản lý, sử dụng ổn định phần đất này từ đó cho đến nay, không có tranh chấp với ai. Bà B cũng đã qua đời vào khoảng năm 2016.

Cùng với đó, vào năm 1999 vợ chồng ông bà đã thực hiện kê khai xin cấp giấy chứng nhận và được UBND huyện D, tỉnh Lâm Đồng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 764221 vào ngày 02-12-1999 theo Quyết định số 1029/QĐ-UB ngày 02-12-1999. Trong đó, bao gồm thửa đất 54, 55, tờ bản đồ số 35a tọa lạc tại xã G, huyện D, tỉnh Lâm Đồng đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 326458 cho hộ bà Nguyễn Thị B vào năm 1997 trước đó. Vì không am hiểu về các quy định của pháp luật và cũng không biết xem các thông tin trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên chúng tôi không phát hiện ra sai sót nêu trên.

Đến năm 2020, ông bà được nhận thừa kế phần đất tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 764221 (nêu trên) theo Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế được UBND xã G, huyện D chứng thực số 181 quyền số 01/2020/TP/CC-SCC/HĐGD vào ngày 15-06-2020. Đến ngày 25-09-2020, vợ chồng ông bà được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện D cập nhật tên chủ sử dụng tại trang 4 của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này.

Vừa qua, khi ông bà thực hiện thủ tục hợp các thửa đất mà ông bà đang sử dụng thì được biết phần diện tích đất thuộc thửa 54, 55, tờ bản đồ số 35a tọa lạc tại xã G, huyện D, tỉnh Lâm Đồng đã được UBND huyện D, tỉnh Lâm Đồng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 764221 vào ngày 02-12-1999 cho hộ bà Nguyễn Thị M (Nguyễn Thị M) bị cấp trùng với Giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất số K 326458 do UBND huyện D, tỉnh Lâm Đồng cấp cho hộ bà Nguyễn Thị B vào ngày 05-09-1999, sau đó đã được UBND huyện D cấp đổi thành Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 863219 và số AM 863218 đứng tên vợ chồng ông bà vào ngày 04-06-2008. Việc này là không đúng theo quy định của pháp luật, không đúng nguồn gốc sử dụng và người sử dụng đất.

Trước sự việc trên, vợ chồng ông bà đã có đơn gửi đến UBND huyện D đề yêu cầu thu hồi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 764221 đã cấp cho hộ bà Nguyễn Thị M (Nguyễn Thị M) vào ngày 02-12-1999; cập nhật điều chỉnh tên sang cho vợ chồng ông bà vào ngày 15-06-2020. Tuy nhiên, do Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 764221 do UBND huyện D cấp cho hộ bà Nguyễn Thị M (Nguyễn Thị M) vào ngày 02-12-1999 đã được chỉnh lý hồ sơ theo đúng trình tự quy định cho nên việc thu hồi giấy chứng nhận không thuộc thẩm quyền của UBND huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

Do vậy, ông H1, bà M khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 764221 do UBND huyện D cấp cho hộ bà Nguyễn Thị M (Nguyễn Thị M) ngày 02-12-1999 đối với phần diện tích 2.197 m² đất thuộc thửa 54 và phần diện tích 1.100m² đất thuộc thửa 55, tờ bản đồ số 35a tọa lạc tại xã G, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

** Theo ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện UBND huyện D trình bày:*

1. Diễn biến việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 764221 cho hộ Nguyễn Thị Mầu đã đăng ký biến động thừa kế quyền SDD cho ông Phan Ngọc H1 và bà Nguyễn Thị M:

Theo hồ sơ địa chính được lưu trữ do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện D cung cấp, thể hiện:

Hộ Nguyễn Thị Mầu được UBND huyện D cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang số hiệu P 764221 cấp ngày 02-12-1999 tại thửa đất 54 diện tích 2.197 m² CLN, thửa 55 diện tích 1.100 m² CLN và một thửa đất khác tại tờ bản đồ 35a xã G theo Quyết định số 1029/QĐ-UBND ngày 02-12-1999 của UBND huyện D; Vào sổ theo dõi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 664/QSDĐ. Trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất được thực hiện theo qui định của Luật đất đai năm 1993.

Năm 2020, ông Phan Ngọc H1 và bà Nguyễn Thị M nhận thừa kế các thửa đất trên và được UBND xã G chứng thực Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế số 181/quyển 1/2020/TP/CC-SCT/HĐGD ngày 15-6-2020. Đến ngày 25-9-2020, được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện D xác nhận tại trang 4 của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang số hiệu P 764221 nói trên. Như vậy GCN QSDĐ số hiệu P 764221 đã thực hiện việc thừa kế quyền QSDĐ theo qui định. Trình tự, thủ tục chuyển quyền sử dụng đất, chỉnh lý trên Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất được thực hiện theo qui định của Luật đất đai năm 2013.

Trước đó, vào năm 1997, hộ Nguyễn Thị B đã được UBND huyện D cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang số hiệu K 326458 cấp ngày 05-9-1997 tại thửa đất

54 diện tích 2.197 m² CLN, thửa 55 diện tích 1.100 m² CLN và một số thửa đất khác tại tờ bản đồ 35a xã G theo Quyết định số 1154/QĐ-UB ngày 10-12-1997 của UBND huyện D; Vào sổ theo dõi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 298/QSĐĐ.

Năm 2008, ông Phan Ngọc H1 và bà Nguyễn Thị M nhận tặng cho các thửa đất trên và được UBND xã G chứng thực hợp đồng cho tặng số 57/quyền 1/2008/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 21-4-2008.

Ngày 04-6-2008, ông Phan Ngọc H1 và bà Nguyễn Thị M được UBND huyện D cấp giấy chứng nhận QSDĐ số AM 863219 tại thửa 54 (35a) diện tích 2.197 m² CLN và giấy chứng nhận QSDĐ số AM 863218 tại thửa 55 (35a) diện tích 1.100 m² CLN. Sau khi được cấp các giấy chứng nhận nói trên, ông Phan Ngọc H1 và bà Nguyễn Thị M quản lý sử dụng ổn định cho đến nay.

2. Quan điểm của UBND huyện D

Từ kết quả kiểm tra như trên, Căn cứ Luật đất đai năm 1993 về trình tự, thủ tục được các cơ quan chuyên môn tham mưu cho UBND huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 764221 thực hiện và đã cập nhật vào hồ sơ địa chính. Tuy nhiên, các thửa đất số 54 và 55 tờ bản đồ 35a đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số hiệu K 326458 cấp ngày 05-9-1997 là đúng quy định, đến năm 1999 lại tiếp tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số hiệu P 764221 cấp ngày 02-12-1999 tại các thửa đất số 54 và 55 tờ bản đồ 35a nêu trên là không đúng quy định của pháp luật, do đó cần phải thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp năm 1999 là phù hợp quy định của pháp luật.

Căn cứ vào Luật đất đai năm 2013 về trình tự, thủ tục được các cơ quan chuyên môn thực hiện đăng ký biến động thừa kế quyền sử dụng đất cho ông Phan Ngọc H1 và bà Nguyễn Thị M và được chỉnh lý trên trang bốn của GCN QSDĐ số P 764221 cấp ngày 02-12-1999 được thực hiện theo qui định và đã cập nhật, chỉnh lý vào hồ sơ địa chính. Do đó việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong trường hợp này thuộc thẩm quyền của cơ quan Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Việc ông Phan Ngọc H1 và bà Nguyễn Thị M khởi kiện yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 764221 cấp ngày 05-9-1997, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xem xét xử lý theo thẩm quyền.

** Theo ý kiến của người đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Bích H4 trình bày:* bà H4 thống nhất với lời trình bày của ông H1, bà M. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Vụ án đã được tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo thủ tục chung; tổ chức phiên đối thoại nhưng không được.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện chị Lưu Thanh S giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Người đại diện theo pháp luật của người bị kiện xác định việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H1, bà M chưa đúng quy định của pháp luật và đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông H1, bà M theo quy định của pháp luật.

Đại diện VKSND tỉnh Lâm Đồng phát biểu về tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng thực hiện

đúng các quy định tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung khởi kiện: Căn cứ điểm a Khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng Hành chính chấp nhận đơn khởi kiện của ông Huy, bà Mậu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng*: Tại phiên tòa, người khởi kiện vắng mặt nhưng có người đại diện theo ủy quyền tham gia phiên tòa; Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Bích H4 vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 158 của Luật tố tụng hành chính để tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] *Về đối tượng, thời hiệu khởi kiện, thẩm quyền*: Tháng 12-2021, ông Phan Ngọc H1, bà Nguyễn Thị M làm thủ tục hợp các thửa đất mà ông bà đang sử dụng thì được biết phân diện tích đất thuộc thửa 54, 55, tờ bản đồ số 35a tọa lạc tại xã G, huyện D, tỉnh Lâm Đồng đã được UBND huyện D cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 764221 vào ngày 02-12-1999 cho hộ bà Nguyễn Thị M (Nguyễn Thị M) bị cấp trùng với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 326458 do UBND huyện D cấp cho hộ bà Nguyễn Thị B vào ngày 05-09-1999. Do đó, ông H1, bà M có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 764221 vào ngày 02-12-1999 cho hộ bà Nguyễn Thị M (Nguyễn Thị M) đối với thửa 54, 55 đã được đăng ký biến động tại trang 4 cho ông Phan Ngọc H1 và bà Nguyễn Thị M nhận thừa kế theo Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế số 181/quyền 1/2020/TP/CC-SCT/HĐGD ngày 15-6-2020; việc khởi kiện trong thời hạn khởi kiện quy định Điều 116 của Luật tố tụng hành chính. Căn cứ khoản 2 Điều 3, Điều 30, Điều 32 của Luật tố tụng hành chính, xác định đối tượng “*khởi kiện yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án là đúng pháp luật.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, ý kiến của người bị kiện; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; đối chiếu với tài liệu chứng cứ đã thu thập thể hiện*:

[3.1] Về nguồn gốc sử dụng đất đối với thửa 54, 55, tờ bản đồ 35a xã G và trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp GCNQSD đất:

Theo hồ sơ địa chính được lưu trữ do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện D cung cấp, thể hiện:

- Bà Nguyễn Thị B đã được UBND huyện D cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang số hiệu K 326458 cấp ngày 05-9-1997 đối với thửa đất 54 diện tích 2.197 m² (CLN), thửa 55 diện tích 1.100 m² CLN và một số thửa đất khác tại tờ bản đồ 35a xã G theo Quyết định số 1154/QĐ-UB ngày 10-12-1997 của UBND huyện D; Vào sổ theo dõi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 298/QSDĐ.

Năm 2008, Nguyễn Thị B tặng cho ông Phan Ngọc H1 và bà Nguyễn Thị M các thửa đất trên và được UBND xã G chứng thực hợp đồng tặng số 57/quyền 1/2008/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 21-4-2008.

Ngày 04-6-2008, ông Phan Ngọc H1 và bà Nguyễn Thị M được UBND huyện D cấp giấy chứng nhận QSDĐ số AM 863219 tại thửa 54 (35a) diện tích 2.197 m² CLN và giấy chứng nhận QSDĐ số AM 863218 tại thửa 55 (35a) diện tích 1.100 m² CLN. Sau khi được cấp các giấy chứng nhận nói trên, ông Phan Ngọc H1 và bà Nguyễn Thị M quản lý sử dụng ổn định cho đến nay.

- Hộ bà Nguyễn Thị M được UBND huyện D cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang số hiệu P 764221 cấp ngày 02-12-1999 đối với các thửa đất 53 diện tích 4.847m² CLN, thửa đất 54 diện tích 2.197m² CLN và thửa 55 diện tích 1.100m² CLN thuộc tờ bản đồ 35a xã G theo Quyết định số 1029/QĐ-UB ngày 02-12-1999 của UBND huyện D; Vào sổ theo dõi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 664/QSDĐ.

Năm 2020, ông Phan Ngọc H1 và bà Nguyễn Thị M nhận thừa kế các thửa đất trên và được UBND xã G chứng thực Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế số 181/quyền 1/2020/TP/CC-SCT/HĐGD ngày 15-6-2020. Đến ngày 25-9-2020, được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện D xác nhận tại trang 4 của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang số hiệu P 764221 nói trên.

Như vậy, việc UBND huyện D cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất 53 diện tích 4.847m² CLN, thửa đất 54 diện tích 2.197m² CLN và thửa 55 diện tích 1.100m² CLN tại tờ bản đồ 35a xã G là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại Điều 36 Luật Đất đai năm 1993 và Thông tư 346/1998/TT-TCĐC ngày 16 tháng 3 năm 1998 của Tổng cục Địa chính.

[3.2] Về thực tế sử dụng đất:

Theo kết quả xem xét thẩm định, đo vẽ (bút lục 115) thể hiện phần diện tích đất hộ ông H1, bà M sử dụng có tứ cận phía Đông giáp đất của người đồng bào, phía Tây giáp đường đất, phía Nam giáp đất ông Vũ Hữu P, phía Bắc giáp đất của bà Trần Thị T2; đất có ranh giới rõ ràng, không tranh chấp với ai. Tại buổi xem xét thẩm định, ông H1, bà M xác định nguồn gốc diện tích đất trên là do ông Phan Văn U, bà Nguyễn Thị B (cha mẹ của ông Phan Ngọc H1) khai phá và sử dụng đất từ trước giải phóng. Đến khoảng năm 1977 thì cho vợ chồng ông H1, bà M nhưng mãi đến năm 1997 thì ông bà mới làm thủ tục cấp sổ.

Tại Báo cáo số 191/BC-PTNMT ngày 27-12-2021 của Phòng Tài nguyên và môi trường huyện D (BL 04-05) và tại bản trình bày ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện UBND huyện D và ý kiến của người đại diện theo pháp luật của UBND huyện D cũng như điều thừa xác định: các thửa đất số 54 và 55 tờ bản đồ 35a đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số hiệu K 326458 cấp ngày 05-9-1997 là đúng quy định, đến năm 1999 lại tiếp tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số hiệu P 764221 cấp ngày 02-12-1999 tại các thửa đất số 54 và 55 tờ bản đồ 35a nêu trên là không đúng quy định của pháp luật, cụ thể cấp không đúng nguồn gốc sử dụng đất, cấp trùng lên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số hiệu K 326458 cấp ngày 05-9-1997. Do đó cần phải thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp năm 1999 là phù hợp quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, do đã được đăng ký biến động tại trang 4 cho ông Phan Ngọc

H1 và bà Nguyễn Thị M nhận thừa kế theo Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế số 181/quyển 1/2020/TP/CC-SCT/HĐGD ngày 15-6-2020, căn cứ điểm d, khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai 2013 và khoản 5, khoản 6 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ thì việc thu hồi, hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Nguyễn Thị M chỉ được thực hiện khi có bản án hoặc quyết định của Tòa án nhân dân đã có hiệu lực pháp luật.

[4] Từ những phân tích trên thấy rằng, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang số hiệu P 764221 do UBND huyện D cấp ngày 02-12-1999 đối với thửa đất 54 diện tích 2.197m² CLN, thửa 55 diện tích 1.100m² CLN, tờ bản đồ 35a xã G cho hộ Nguyễn Thị Mầu và Quyết định hành chính liên quan số 1029/QĐ-UB ngày 02-12-1999 của UBND huyện D về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng với thực tế sử dụng đất.

Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Ngọc H1, bà Nguyễn Thị M; Tuyên một phần hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số hiệu P 764221 cấp ngày 02-12-1999 và Tuyên hủy một phần Quyết định số 1029/QĐ-UB ngày 02-12-1999 của UBND huyện D đối với phần cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ Nguyễn Thị Mầu đối với thửa 54, 55.

[5] Về chi phí tố tụng: Quá trình thu thập chứng cứ, đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ, ông Phan Ngọc H1, bà Nguyễn Thị M nộp tạm ứng chi phí tố tụng 8.115.440 đồng, người khởi kiện tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng và được quyết toán xong.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông Phan Ngọc H1, bà Nguyễn Thị M được chấp nhận, nên người bị kiện UBND huyện D phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định pháp luật; Ông Phan Ngọc H1, bà Nguyễn Thị M là người cao tuổi nên được miễn nộp tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm theo quy định tại Điều 348 Luật tố tụng hành chính, các Điều 12, 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí lệ phí Tòa án nên phần quyết định không đề cập đến.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 158; Điều 164; điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 348; Điều 206 của Luật tố tụng hành chính; điểm d, khoản 2 Điều 106 Luật đất đai năm 2013; khoản 5, khoản 6 Điều 87 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính Phủ; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Phan Ngọc H1, bà Nguyễn Thị M về việc “*Khiếu kiện yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

- Hủy một phần Quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1029/QĐ-UB ngày 02-12-1999 của UBND huyện D đối với thửa 54, 55, tờ bản đồ 35a xã G, huyện D cho hộ Nguyễn Thị M (Nguyễn Thị M).

- Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 764221 do UBND huyện D cấp ngày 02-12-1999 cho hộ bà Nguyễn Thị M (Nguyễn Thị M)

đối với thửa 54, 55, tờ bản đồ 35a xã G, huyện D đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện D xác nhận nội dung biến động do nhận thừa kế tại trang 4 cho ông Phan Ngọc H1 và bà Nguyễn Thị M ngày 25-9-2020.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Phan Ngọc H1, bà Nguyễn Thị M phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng với số tiền là 8.115.440 đồng (*Tám triệu một trăm mười lăm nghìn bốn trăm bốn mươi bốn nghìn đồng*), ông Phan Ngọc H1, bà Nguyễn Thị M đã nộp và được quyết toán xong.

3. Về án phí: Buộc người bị kiện UBND huyện D phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hành chính sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án (hoặc trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết) để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
 - Phòng KTNV&THA; (2)
 - Cục THADS tỉnh LĐ; (1)
 - Người khởi kiện; (2)
 - Người bị kiện; (2)
 - Người liên quan; (1)
 - UBND tỉnh Lâm Đồng; (1)
 - Lưu án văn; Hồ sơ vụ án. (4)
- (để
thi
hành)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Đặng Ngọc Bình

Các Hội thẩm

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Anh Tuấn

Nguyễn Văn Nghiệp

Đặng Ngọc Bình